TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **761**/2026/DS-ST
Ngày: 17/6/2026
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lài**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Bích Vân**
Ông **Hoàng Mạnh Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lương Ngân Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Minh Huyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 240/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 679/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 804 ngày 21/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vũ Việt C,** sinh năm 1961 *(Có mặt).*

Số căn cước 037061001081.

Nơi đăng ký thường trú: Số B ngách A đường K, phường B, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số B đường P, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông **Hà Quang H**, sinh năm 1972 *(Vắng mặt).*

Số căn cước 037072000030.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Số E, ngách B Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Vũ Việt C trình bày:***

Ông Hà Quang H là người cùng quê nhận thầu xây nhà cho ông Vũ Việt C năm 2010. Do đó, giữa ông C và ông H có mối quan hệ tốt với nhau nên ông C cũng vài lần cho ông H vay tiền nhưng khoản tiền nhỏ và ông H cũng thanh toán đúng hẹn.

Đến ngày 24/7/2020, ông Hà Quang H vay của ông Vũ Việt C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Giấy biên nhận vay tiền trong thời hạn 06 tháng (Thời hạn trả tiền là ngày 25/01/2021) với lãi suất 02%/ tháng. Giấy biên nhận vay tiền được ông H viết tay, có chữ kí của cả ông C và ông H. Sau đó, ông H nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng và có đưa lại cho ông C 4.000.000 đồng tiền thăm hỏi ốm đau.

Tuy nhiên, đến ngày 25/01/2021, ông H không trả được cho ông C số tiền đã vay theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 24/7/2020. Do đó, ngày 27/01/2021, ông C và ông H thống nhất lập Giấy hẹn trả nợ với nội dung cụ thể như sau: Đến ngày 25/02/2021, ông H phải trả cho ông C số tiền 210.000.000 đồng (Bao gồm cả tiền nợ gốc và nợ lãi). Tức là, tiền lãi được giảm từ 2%/ tháng xuống còn 1,5%/ tháng. Đồng thời số tiền ông H vay ông C được bảo lãnh bằng cổ phần nhà đất mà ông H mua chung với ông C1 (Được ước tính tương đương với giá trị khoảng 1 tỷ đồng). Giấy hẹn trả nợ được viết tay, các bên đã cùng thống nhất nội dung và ký tên vào giấy hẹn.

Đến ngày 25/02/2021, ông H vẫn không trả được khoản nợ nêu trên cho ông C. Ông H nhiều lần hứa hẹn nhưng đều không thực hiện việc thanh toán khoản nợ.

Đến ngày 18/10/2021, ông H tự viết tay và ký vào Giấy xác nhận trả nợ với nội dung: Ông H cam kết hoàn trả cho ông C số tiền nợ gốc và nợ lãi vào ngày 12/11/2021. Tuy nhiên, đến ngày hẹn ông C vẫn không nhận lại được khoản nợ cả nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

Quá trình vay tiền, nhiều lần ông C đã thúc giục, đôn đốc ông H trả tiền nhưng ông H cố tình chây ỳ, hứa hẹn nhưng không thực hiện, không viết giấy hẹn trả nợ. Từ ngày 02/01/2023 đến khoảng ngày 04/7/2023, bất kể lần nào ông C gọi điện thoại cho ông H thì ông C đều ghi âm lại cuộc hội thoại. Khi ông C nhắc đến việc trả nợ thì ông H chỉ hứa hẹn mà không trả, có lần còn chửi bới ông C.

Do đó, ông C làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị được giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi được Tòa án gọi lên hòa giải tại Trung tâm hòa giải, ông H không nhất trí và không đồng ý trả lại khoản tiền đã vay của ông C.

Đến nay, ông Vũ Việt C đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề sau đây:

- Buộc ông Hà Quang H phải trả lại số tiền đã vay theo đúng thỏa thuận

= 200.000.000 + (200.000.000 x 1,5%/ tháng x 69 tháng x 27 ngày) = 212.700.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 200.000.0000 đồng và tiền lãi là 212.700.000 đồng – 4.000.000 đồng ông H đã trả ông C nên còn 208.700.000 đồng tiền lãi). Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2026 là **408.700.000 đồng**.

- Kể từ sau ngày xét xử mà ông H không thanh toán khoản nợ thì ông H phải tiếp tục chịu lãi suất với mức 1,5%/ tháng đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả.

**** Bị đơn là ông Hà Quang H:***

Quá trình làm việc với đồng chí Cảnh sát khu vực – Công an phường Định Công phụ trách tại địa chỉ số E, ngách B, phường Đ, Thành phố Hà Nội cung cấp: Ông Hà Quang H hiện đang sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Cán bộ Tòa án đã xuống địa chỉ nơi ông H sinh sống để tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho ông H. Tuy nhiên, ông H về nhà giờ giấc thất thường, không rõ thời gian nào ông H có mặt ở nhà. Do đó, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Hà Trọng T (Sinh năm 2007; Căn cước số 037207006936) là con trai của ông Hà Quang H. Anh Hà Trọng T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ giao trực tiếp cho ông H nhưng ông H vẫn không lên Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy, tại hồ sơ không có bản tự khai của ông H, ông H vắng mặt trong tất cả các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi không tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

**** Tại phiên toà hôm nay:***

- Ông Vũ Việt C trình bày quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông Hà Quang H phải thanh toán toàn bộ số tiền cả nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 17/6/2026 là 408.700.000 đồng . Ông C xác định khoản tiền ông cho vay là tiền của cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông. Ông H vay tiền của ông là ông H vay cho cá nhân ông H, không liên quan đến vợ ông H. Vị vậy, ông C đề nghị Tòa án không triệu tập vợ của ông và vợ của ông H và người làm chứng. Ông đề nghị Tòa án tuyên trong bản án về việc tính lãi theo quy định của pháp luật, đối với số tiền nợ gốc kể từ sau ngày xét xử cho đến khi ông Hà Quang H trả hết nợ cho ông.

- Bị đơn là ông Hà Quang H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông Hà Quang H vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án và quan hệ pháp luật: Ông Vũ Việt C khởi kiện ông Hà Quang H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại ở địa chỉ số E, ngách B đường Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Như vậy, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã thụ lý và xác định

quan hệ pháp luật vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xác định người tham gia tố tụng và tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đầy đủ và đúng tư cách pháp lý của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quy định tại Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc thu thập tài liệu chứng cứ đảm bảo quy định từ Điều 95 đến Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục cấp, thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đảm bảo quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định tố tụng tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện, được Tòa án tống đạt hợp pháp các văn bản tố tụng, chấp hành các quyết định của Tòa án, nộp tiền tạm ứng án phí là thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tống đạt hợp pháp các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn không tham gia tố tụng tại Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Việt C đối với ông Hà Quang H.

- Buộc ông Hà Quang H phải thanh toán cho ông Vũ Việt C toàn bộ nợ là 408.700.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng; Nợ lãi là 208.700.000 đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ông Vũ Việt C và ông Hà Quang H ký kết Hợp đồng cho vay tiền nên xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Hà Quang H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ số E, ngách B đường Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

1.3. Về chủ thể khởi kiện:

Đây là vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Ông Hà Quang H không thanh toán được tiền vay cho ông Vũ Việt C sau khi đến hạn trả.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay tài sản:

Ông Vũ Việt C và ông Hà Quang H xác lập quan hệ cho vay tiền thông qua Giấy biên nhận vay tiền ngày 24/7/2020.

Về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng cho vay tiền là ông Vũ Việt C và ông Hà Quang H đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Xét thấy các hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, nội dung và mục đích của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hai Hợp đồng đều do chính tay bị đơn là ông Hà Quang H viết và ký xác nhận. Do đó, Hợp đồng có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

2.2. Về quá trình thực hiện Hợp đồng:

Ông Hà Quang H là người cùng quê nhận thầu xây nhà cho ông Vũ Việt C năm 2010. Do đó, giữa ông C và ông H có mối quan hệ tốt với nhau nên ông C cũng vài lần cho ông H vay tiền nhưng khoản tiền nhỏ và ông H cũng thanh toán đúng hẹn.

Đến ngày 24/7/2020, ông Hà Quang H vay của ông Vũ Việt C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Giấy biên nhận vay tiền trong thời hạn 06 tháng (Thời hạn trả tiền là ngày 25/01/2021) với lãi suất 02%/ tháng. Giấy biên nhận vay tiền được ông H viết tay, có chữ kí của cả ông C và ông H. Sau đó, ông H nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng và có đưa lại cho ông C 4.000.000 đồng tiền thăm

hỏi ốm đau.

Tuy nhiên, đến ngày 25/01/2021, ông H không trả được cho ông C số tiền đã vay theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 24/7/2020. Do đó, ngày 27/01/2021, ông C và ông H thống nhất lập Giấy hẹn trả nợ với nội dung cụ thể như sau: Đến ngày 25/02/2021, ông H phải trả cho ông C số tiền 210.000.000 đồng (Bao gồm cả tiền nợ gốc và nợ lãi). Tức là, tiền lãi được giảm từ 2%/ tháng xuống còn 1,5%/ tháng. Đồng thời số tiền ông H vay ông C được bảo lãnh bằng cổ phần nhà đất mà ông H mua chung với ông C1 (Được ước tính tương đương với giá trị khoảng 1 tỷ đồng). Giấy hẹn trả nợ được viết tay, các bên đã cùng thống nhất nội dung và ký tên vào giấy hẹn.

Đến ngày 25/02/2021, ông H vẫn không trả được khoản nợ nêu trên cho ông C. Ông H nhiều lần hứa hẹn nhưng đều không thực hiện việc thanh toán khoản nợ.

Đến ngày 18/10/2021, ông H tự viết tay và ký vào Giấy xác nhận trả nợ với nội dung: Ông H cam kết hoàn trả cho ông C số tiền nợ gốc và nợ lãi vào ngày 12/11/2021. Tuy nhiên, đến ngày hẹn ông C vẫn không nhận lại được khoản nợ cả nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

Quá trình vay tiền, nhiều lần ông C đã thúc giục, đôn đốc ông H trả tiền nhưng ông H cố tình chây ỳ, hứa hẹn nhưng không thực hiện, không viết giấy hẹn trả nợ. Từ ngày 02/01/2023 đến khoảng ngày 04/7/2023, bất kể lần nào ông C gọi điện thoại cho ông H thì ông C đều ghi âm lại cuộc hội thoại. Khi ông C nhắc đến việc trả nợ thì ông H chỉ hứa hẹn mà không trả, có lần còn chửi bới ông C.

2.3. Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Hà Quang H phải trả tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền nợ lãi 208.700.000 đồng:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Việt C về việc buộc bị đơn là ông Hà Quang H thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa ông Vũ Việt C và ông Hà Quang H đã xác lập quan hệ vay tài sản thông qua giấy biên nhận vay tiền do chính ông Hà Quang H tự tay viết, có chữ ký xác nhận của các bên với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng này, ông C và ông H đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hơn nữa, Hợp đồng này được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Bị đơn là ông Hà Quang H đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày gửi đến Tòa án. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Căn cứ quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, ông Hà Quang H có nghĩa vụ trả đủ tiền nợ gốc và nợ lãi cho ông Vũ Việt C. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bị đơn là ông Hà Quang H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Vũ Việt C số tiền nợ gốc và lãi là 408.700.000 đồng.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi 408.700.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 229; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Việt C.

2. Buộc ông Hà Quang H phải thanh toán cho ông Vũ Việt C số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi là 208.700.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là **408.700.000 đồng** ***(Bằng chữ: Bốn trăm linh tám triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).*** Kể từ sau ngày xét xử ông Hà Quang H phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho ông Vũ Việt C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hà Quang H phải chịu 20.348.000 đồng (Hai mươi triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn là ông Vũ Việt C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Hà Quang H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lài